

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN KBANG
TỈNH GIA LAI**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 08/2021/HSST.

Ngày: 11/3/2021.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KBANG -TỈNH GIA LAI

- T phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán, Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hồng Phương.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Võ Thị Cảnh.
2. Ông Nguyễn Văn Thi.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Tổ Uyên – Thư ký TAND huyện Kbang.

- Đại diện VKSND huyện Kbang tham gia phiên tòa: Ông Nông Trường Sinh - Kiểm sát viên.

Ngày 11/3/2021, tại Hội trường xét xử, Tòa án nhân dân huyện Kbang, tỉnh Gia Lai xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 38/2020/HSST ngày 08/12/2020 đối với các bị cáo:

1. Đinh Trung T, sinh ngày 05/9/1976 tại M, Quảng Bình; Nơi thường trú: Thôn 4, xã S, huyện K, tỉnh Gia Lai; Dân tộc: Nguồn; tôn giáo: Không; trình độ học vấn: 6/12; nghề nghiệp: Làm nông; Tiền án, tiền sự: Không. Con ông Đinh Trung T (đã chết) và bà Đinh Thị L. Vợ là Nguyễn Thị C, có 02 con, sinh N2 1999 và 2004.

Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 20/6/2020 cho đến nay, có mặt tại phiên tòa.

2. Nguyễn Hữu S, sinh ngày 26/6/1996 tại Kbang, Gia Lai; Nơi thường trú: Thôn 2, xã Sơ P, huyện K, tỉnh Gia Lai; Dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; trình độ học vấn: 7/12; nghề nghiệp: Làm nông; Tiền án: Có 01 tiền án về tội cố ý gây thương tích, tiền sự: Không. Con ông Nguyễn Văn Q và bà Trần Thị P.

Bị cáo ra đầu thú, bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 07/7/2020 cho đến nay, có mặt tại phiên tòa.

3. Kiều Ngọc C, sinh ngày 22/11/1986 tại Kbang, Gia Lai; Nơi thường trú: Thôn 2, xã Sơ P, huyện K, tỉnh Gia Lai; Dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; trình độ học vấn: 12/12; nghề nghiệp: Sửa xe máy; Tiền án, tiền sự: Không. Con ông Kiều Quốc L (đã chết) và bà Nguyễn Thị H (đã chết). Vợ là Hà Thị L, có 02 con, sinh N2 2012 và 2020.

Bị cáo ra đầu thú, bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 07/7/2020 cho đến nay, có mặt tại phiên tòa.

***Bị hại:** Công ty trách nhiệm hữu hạn một T viên lâm nghiệp L (Sau đây gọi tắt là Công ty TNHH MTV LN L);

Đại diện theo ủy quyền: Ông Phạm Khắc H, sinh N2 1978 - Chức vụ: Phó Giám đốc công ty (vắng mặt).

Địa chỉ: Xã L, huyện K, tỉnh Gia Lai.

***Người có quyền lợi, nghĩa vụ L quan:**

1. Anh Lê Ngọc Q, sinh N2 1977 (vắng mặt);

Địa chỉ: Tổ dân phố x, thị trấn K, huyện K, tỉnh Gia Lai.

2. Anh Nguyễn Văn L, sinh N2 1982 (vắng mặt);

Địa chỉ: Thôn y, xã Đ, huyện K, tỉnh Gia Lai.

3. Chị Hà Thị L, sinh N2 1988 (có mặt);

Địa chỉ: Thôn z, xã Sơ P, huyện K, tỉnh Gia Lai.

***Người làm chứng:** Chị Kiều Thị G, sinh N2 1970 (vắng mặt);

Địa chỉ: Thôn 2, xã Sơ P, huyện K, tỉnh Gia Lai.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Qua các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và quá trình xét hỏi, tranh tụng tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Sáng ngày 01/6/2020, Kiều Ngọc T2, Kiều T2 Đ (là em ruột của T2) và Lương Văn N2 ăn sáng tại quán của gia đình Nguyễn Hữu S, tại thôn 2, xã Sơ P, huyện Kb. Tại đây, T2 gọi S đến bàn ăn của T2 và nói: “Ngày mai đi vào rừng khai thác gỗ Bằng lăng trái phép với anh bán kiếm tiền” thì S đồng ý.

Đến khoảng 18 giờ cùng ngày, S đi bộ qua nhà T2 chơi thì gặp T2 đang ngồi uống nước cùng Đ và N2. S vào ngồi nói chuyện cùng cả bọn thì T2 tiếp tục rủ S cùng đi khai thác gỗ Bằng lăng trái phép. S đồng ý thì T2 hẹn sáng ngày mai tập trung tại nhà T2 để đi vào rừng.

Khoảng 20 giờ cùng ngày, T2 tiếp tục gọi điện thoại cho anh ruột tên Kiều Ngọc C rủ S nhà T2 uống rượu. Lúc này, C đang ngồi uống trà cùng Đình Trung T tại nhà riêng nên rủ T cùng đi qua nhà T2. C và T đi bộ qua nhà T2 thì thấy T2 đang ngồi uống rượu cùng N2 nên cả hai vào cùng tham gia. Trong lúc uống rượu, T2 nói: “Sáng nay, em và N2 đã cắt hạ một số cây gỗ Bằng lăng tại khu vực rừng xã Đăk Smar”. T2 rủ C và T: “Sáng mai anh em mình vào rừng xẻ hộp các cây gỗ trên bán cho L, Q lấy tiền tiêu xài”. C và T đều đồng ý thì T2 hẹn cả bọn sáng ngày mai qua nhà T2 để đi rừng.

Khoảng 07 giờ ngày 02/6/2020, Đ, N2, S, C và T tập trung tại nhà T2 rồi T2 dẫn cả bọn đi theo đường làng Tà Kor, xã S vào Lô 4, Khoảnh 2, tiểu khu 122 lâm phần do Công ty TNHH MTV LN L quản lý thuộc địa giới hành chính xã Đă, K để khai thác gỗ Bằng lăng trái phép. Khi đi, T2 lái xe mô tô độ chế của T2 chở C và 01 cửa xăng của T2; T lái xe mô tô độ chế của T chở theo 01 cửa xăng của N2; Đ lái xe mô tô của Đ chở N2 mang theo 01 cửa xăng của Đ và 01 con dao rựa còn S lái xe mô tô độ chế của S chở bao đựng xăng, nhớt, nước uống và vật dụng cần thiết do T2 chuẩn bị. Đến nơi, T2 chỉ 10 cây gỗ Bằng lăng đã bị cắt hạ đổ xuống đất, T2 nói cả bọn cắt lóng thân, cành theo quy cách dài 2 đến 2,2m rồi xẻ hộp, đối với gốc, ngọn cây gỗ Bằng lăng thì tùy theo kích thước, đặc

điểm tiến hành xẻ hộp tận dụng để thu được lợi gỗ nhất. Sau đó, T2, Đ và T mỗi người dùng một cưa xăng cưa xẻ gỗ; C, S và N2 phụ bật mực, bắn lật gỗ. Cả bọn làm đến hơn 10 giờ cùng ngày thì T2 nói C về xã Sơ Pai lấy 6 hộp cơm do T2 đặt trước tại quán ăn của chị Kiều Thị G mang vào cho mọi người ăn. Ăn xong, cả bọn tiếp tục cưa xẻ gỗ đến khoảng 18 giờ cùng ngày thì nghỉ đi về.

Khoảng 11 giờ ngày 03/6/2020, T2 cùng Đ, S, N2, C, T tiếp tục vào khu vực rừng trên để khai thác gỗ trái phép. Công việc của từng người vẫn thực hiện như ngày 02/6/2020, T2, Đ, T dùng cưa xăng cưa xẻ gỗ còn C, S và N2 phụ bật mực, bắn lật gỗ. Buổi trưa cùng ngày, T2 nhờ Thái Đình Dũng mang cơm vào cho cả bọn ăn tại gốc. Ăn cơm xong, T2 cùng đồng bọn tiếp tục cưa xẻ gỗ đến khoảng 15 giờ cùng ngày thì T2 nghe điện thoại xong và nói với cả bọn là “*bị động rồi*”. Nghe vậy, T2 cùng đồng bọn dọn đồ đạc đi về để lại toàn bộ số gỗ Bằng lăng khai thác trái phép tại hiện trường.

Trong thời gian 02 ngày: 02 và 03/6/2020, T2 cùng đồng bọn đã cắt lóng, xẻ hộp 07 cây gỗ Bằng lăng gồm 05 cây gỗ số 2, 3, 5, 6, 7 được 28 hộp gỗ xẻ theo biên bản khám nghiệm hiện trường ngày 08/6/2020 khối lượng $5,381\text{m}^3$ và cưa xẻ 02 cây gỗ Bằng lăng số 6, 7 theo biên bản khám nghiệm hiện trường ngày 23/6/2020 được khoảng 06 hộp gỗ nhưng không thu được gỗ và cắt lóng toàn bộ 03 cây gỗ Bằng lăng số 8, 9, 10 theo biên bản khám nghiệm hiện trường ngày 23/6/2020 được 15 lóng gỗ.

Nhận tin báo, ngày 08/6/2020, các cơ quan chức năng gồm: Hạt kiểm lâm, Công an huyện, Viện kiểm sát nhân dân huyện, UBND xã Đăk Smar và Công ty TNHH MTV LN L đã tiến hành khám nghiệm hiện trường.

Kết quả khám nghiệm hiện trường: Vụ khai thác xảy ra tại lô 4, khoảnh 2, tiểu khu 122, lâm phần do Công ty TNHH MTV LN L quản lý, xã Đăk Smar, huyện Kbang, tỉnh Gia Lai thuộc loại rừng phòng hộ; trạng thái rừng thường xanh trung bình (TXB). Vị trí hiện trường khai thác cách UBND xã Đăk Smar về hướng Đông Nam khoảng 3,5km theo đường chim bay. Phát hiện có 12 (Mười hai) cây gỗ Bằng lăng (loài thông thường) bị khai thác trái phép, toàn bộ số cây bị chặt hạ trái phép bằng phương tiện cưa xăng; hầu hết cành, nhánh, lá cây vẫn còn màu xanh; một số cây lá đã khô rụng. Tổng khối lượng gỗ tròn thiệt hại của 12 (Mười hai) cây gỗ, chủng loại Bằng lăng, khối lượng là: $31,221\text{m}^3$. Khối lượng gỗ tròn, xẻ còn lại tại hiện trường là: 55 lóng, hộp gỗ tròn, xẻ, chủng loại Bằng lăng (loài thông thường); khối lượng $10,588\text{m}^3$, trong đó (*gỗ tròn 03 lóng, khối lượng $0,444\text{m}^3$; gỗ xẻ 52 hộp, khối lượng $10,144\text{m}^3$*).

Sau khi khám nghiệm hiện trường, Hạt kiểm lâm huyện Kbang đã ra Quyết định tạm giữ đồ vật, tài liệu số 03/QĐ-HKL ngày 08/6/2020 và phối hợp cùng Công ty TNHH MTV lâm nghiệp L tiến hành thu giữ vật chứng của vụ án là 55 lóng, hộp gỗ tròn, xẻ, chủng loại Bằng lăng (loài thông thường) đưa về kho bãi Hạt Kiểm lâm bảo quản, trong số 55 lóng hộp gỗ đã thu giữ có 28 hộp gỗ xẻ khối lượng $5,381\text{m}^3$ là tang vật gỗ của vụ án này.

Đến ngày 12/6/2020, Hạt kiểm lâm huyện Kbang khởi tố vụ án hình sự Vi phạm quy định khai thác, bảo vệ rừng và lâm sản phát hiện ngày 08/6/2020 tại Lô 4, Khoảnh 2, Tiểu khu 122 lâm phần do công ty TNHH MTV LN L quản lý thuộc địa giới hành chính xã Đăk Smar, Kbang, Gia Lai.

Quá trình điều tra, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Kbang đã thu giữ vật chứng của vụ án gồm 28 hộp gỗ xẻ khối lượng 5,381m³; 02 xe mô tô độ chế không có số khung, số máy là xe mô tô của Đinh Trung T và Nguyễn Hữu S.

Đối với 15 lóng gỗ của 03 cây gỗ Bằng lăng đều bị dập təc, sâu ruọt, cơ quan chức năng không thu giữ.

Ngày 23/6/2020, Cơ quan CSĐT Công an huyện Kbang đã phối hợp cùng Viện kiểm sát nhân dân huyện Kbang, Hạt kiểm lâm huyện Kbang, Công ty TNHH MTV LN L, đại diện chính quyền xã Đăk Smar tiến hành kiểm tra hiện trường theo sự chỉ dẫn của Đinh Trung T tại Lô 4, Khoảnh 2, Tiểu khu 122 lâm phần do Công ty TNHH MTV LN L quản lý thuộc địa giới hành chính xã Đăk Smar, huyện Kbang. Kết quả kiểm tra hiện trường xác định: 10 cây gỗ Bằng Lăng do Kiều Ngọc T2 cùng đồng bọn khai thác trái phép có tổng khối lượng gỗ tròn bị thiệt hại là: 23,236m³.

Vào các ngày 19/6/2020, 10/7/2020, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Kbang đã trưng cầu Hội đồng định giá tài sản theo vụ việc trong tố tụng hình sự huyện Kbang về trị giá thiệt hại của tổng khối lượng gỗ bị cắt hạ, giá trị phải bồi thường đối với rừng tự nhiên, giá trị của số gỗ thu được. Căn cứ bản Kết luận định giá tài sản số: 21, 29 ngày 20/6/2020, ngày 20/7/2020 của Hội đồng định giá tài sản theo vụ việc trong tố tụng hình sự huyện Kbang, xác định:

- Giá trị thiệt hại của 23,236m³ gỗ tròn (chủng loại Bằng lăng) tại thời điểm tháng 6/2020 là: **138.413.200 đồng** (Một trăm ba mươi tám triệu, bốn trăm mười ba nghìn, hai trăm đồng).

- Giá trị còn lại của 5,381m³ gỗ xẻ (28 hộp chủng loại Bằng lăng) tại thời điểm tháng 6/2020 là: **36.712.640 đồng** (Ba mươi sáu triệu, bảy trăm mười hai nghìn, sáu trăm bốn mươi đồng).

- Giá trị phải bồi thường đối với rừng tự nhiên của 23,236m³ gỗ tròn, thuộc loại rừng phòng hộ; là rừng tự nhiên tại thời điểm tháng 6/2020 là: 138.413.200 đồng x 4 = 553.652.800 đồng (Năm trăm năm mươi ba triệu, sáu trăm năm mươi hai nghìn, tám trăm đồng).

Tại Bản cáo trạng số: 01/CT-VKS ngày 08/12/2020, VKSND huyện Kbang đã truy tố Đinh Trung T, Nguyễn Hữu S và Kiều Ngọc C về tội “Vi phạm quy định về khai thác, bảo vệ rừng và lâm sản” theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 232 Bộ luật hình sự N2 2015, được sửa đổi, bổ sung N2 2017 (Sau đây gọi tắt là BLHS).

Tại phiên tòa, các bị cáo đều đã khai nhận hành vi phạm tội của mình như nội dung bản Cáo trạng đã nêu.

Tại phiên tòa, đại diện VKSND huyện Kbang, tỉnh Gia Lai vẫn giữ nguyên quyết định truy tố các bị cáo về tội danh, điều luật áp dụng như nội dung bản Cáo trạng và đề nghị HĐXX tuyên bố các bị cáo Đinh Trung T, Nguyễn Hữu S và Kiều Ngọc C phạm tội “Vi phạm quy định về khai thác, bảo vệ rừng và lâm sản”. Đề nghị áp dụng điểm d khoản 2 Điều 232; Điều 17, 38; 50 và 58; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của BLHS đối với tất cả các bị cáo; áp dụng thêm điểm b khoản 1 Điều 51 của BLHS đối với bị cáo C; áp dụng thêm điểm h khoản 1 Điều 52 của BLHS đối với bị cáo S để xử phạt:

Bị cáo **Đinh Trung T** từ 02 N2 06 tháng đến 03 N2 tù.

Bị cáo **Nguyễn Hữu S** từ 02 N2 06 tháng đến 03 N2 tù.

Bị cáo **Kiều Ngọc C** từ 02 N2 đến 02 N2 06 tháng tù.

Xét điều kiện, hoàn cảnh của các bị cáo không có tài sản gì nên không đề nghị áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền quy định tại khoản 4 Điều 232 của BLHS đối với các bị cáo.

Về trách nhiệm dân sự: Đề nghị HĐXX áp dụng Điều 584, 585, 587 và 589 của Bộ luật Dân sự:

Buộc các bị cáo Đinh Trung T, Nguyễn Hữu S và Kiều Ngọc C phải L đới bồi thường toàn bộ số tiền là **655.353.360 đồng** (bị cáo C được trừ số tiền đã tạm nộp bồi thường là 5.000.000 đồng).

Về xử lý vật chứng:

*Đề nghị HĐXX áp dụng điểm a khoản 1 Điều 47 của BLHS; khoản 1 và điểm a khoản 2 Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự để tuyên tịch thu tiêu hủy đối với 02 xe mô tô độ chế, không có sổ khung, số máy.

*Đề nghị HĐXX áp dụng điểm b khoản 1 Điều 47 của BLHS; khoản 1 và điểm b khoản 2 Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự để tuyên tịch thu bán sung Ngân sách Nhà nước 28 hộp gỗ xẻ, chủng loại bằng Lãng, khối lượng 5,381 m³.

Về án phí: Đề nghị áp dụng Điều 135; khoản 2 Điều 136 của Bộ luật tố tụng Hình sự và Nghị quyết số 326/NQ-UBTVQH 14, buộc các bị cáo Đinh Trung T, Nguyễn Hữu S và Kiều Ngọc C phải chịu án phí HSST và DSST theo quy định.

Các bị cáo không tranh luận gì với đại diện Viện kiểm sát.

Đại diện theo ủy quyền của bị hại vắng mặt. Tuy nhiên, trong đơn đề nghị xét xử vắng mặt, ông Hoàn có quan điểm là đề nghị HĐXX xem xét và giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ L quan không có ý kiến tranh luận gì.

Lời nói sau cùng: Các bị cáo trình bày là đã nhận thức được hành vi của mình là vi phạm pháp luật; các bị cáo đều xin HĐXX giảm nhẹ hình phạt để các bị cáo sớm quay về với gia đình, xã hội và trở T công dân tốt.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh tụng tại phiên tòa; Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Kbang, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Kbang, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo và người có quyền lợi, nghĩa vụ L quan không có người nào ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa hôm nay, lời khai của các bị cáo Đinh Trung T, Nguyễn Hữu S và Kiều Ngọc C phù hợp với lời khai của các bị cáo tại Cơ quan điều tra và phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, thể hiện:

Ngày 02 và 03/6/2020, Kiều Ngọc T2, Kiều T2 Đ, Lương Văn N2, Đinh Trung T, Kiều Ngọc C và Nguyễn Hữu S đã đi vào rừng tại lô 4 khoảnh 2 tiểu khu 122 lâm phần do Công ty TNHH MTV LN L quản lý, thuộc địa giới hành chính xã Đắk Smar, huyện Kbang, tỉnh Gia Lai để khai thác trái phép 10 cây gỗ Bằng Lăng với tổng khối lượng gỗ tròn là: 23,236 m³. Gây thiệt hại về lâm sản là **138.413.200 đồng** và thiệt hại đối với rừng tự nhiên là **553.652.800 đồng**.

[3] Hành vi nêu trên của các bị cáo đã trực tiếp xâm phạm, gây thiệt hại và làm cạn kiệt nguồn tài nguyên rừng của đất nước, ảnh hưởng xấu đến môi trường sinh thái và gây thiệt hại về kinh tế cho Nhà nước nói chung, Công ty TNHH MTV LN L nói riêng. Khi thực hiện hành vi phạm tội, các bị cáo có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức và làm chủ được hành vi của mình, các bị cáo biết được việc vào rừng khai thác gỗ trái phép bị pháp luật nghiêm cấm nhưng vì mục đích vụ lợi mà các bị cáo vẫn thực hiện với lỗi cố ý.

Như vậy, hành vi của các bị cáo Đinh Trung T, Nguyễn Hữu S và Kiều Ngọc C đã phạm vào tội *Vi phạm quy định về khai thác, bảo vệ rừng và lâm sản* theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 232 BLHS như truy tố của VKSND huyện Kbang là có căn cứ, đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

Căn cứ vào nhân thân, tính chất, mức độ, hậu quả của hành vi phạm tội do các bị cáo gây ra, HĐXX xét thấy cần phải có mức án tương xứng đối với các bị cáo, nhằm Đ mục đích răn đe, giáo dục riêng và phòng ngừa chung trong xã hội.

[4] Trong vụ án này các bị cáo tham gia với vai trò là người thực hành. Sau khi được Kiều Ngọc T2 rủ vào rừng xẻ hộp các cây gỗ do T2 và N2 đã cắt hạ trước đó để bán lấy tiền tiêu xài, T, S, C đều đồng ý tham gia cùng vào rừng để khai thác gỗ trái phép. Trong đó, Kiều Ngọc T2 được xác định là người chủ mưu, cầm đầu, bị cáo T là người trực tiếp cầm cưa cắt lóng, xẻ hộp, bị cáo C và S phụ giúp bật mực, lật bẫy gỗ cho đồng bọn cắt lóng, xẻ hộp.

Đối với Kiều Ngọc T2, Kiều T2 Đ và Lương Văn N2, sau khi gây án, đã bỏ trốn, Cơ quan điều tra đã ra Quyết định truy nã và tách vụ án để điều tra hành vi của T2, Đ và N2 T vụ án khác, khi nào bắt được sẽ xử lý sau. Vì vậy, HĐXX không xem xét trong vụ án này.

L quan trọng vụ án có Nguyễn Văn L, Lê Ngọc Q, quá trình điều tra, các bị cáo khai báo Kiều Ngọc T2 rủ đồng bọn xẻ hộp các cây gỗ bán cho L, Q lấy tiền tiêu xài, nhưng L, Q khai không biết gì về việc Kiều Ngọc T2 cùng đồng bọn khai thác gỗ tại lô 4 khoảnh 2 tiểu khu 122 Lâm phần do Công ty TNHH MTV LN L quản lý. Do T2 bỏ trốn chưa bắt được nên chưa làm rõ được vai trò, trách nhiệm của L, Q trong vụ án, khi nào bắt được T2, tiếp tục điều tra làm rõ vai trò của L, Q sẽ xử lý sau. Do đó, HĐXX xem xét L, Q với vai trò là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án.

Đối với Kiều Thị G – chủ quán ăn mà T2 đặt cơm hộp để C lấy mang vào cho đồng bọn vào ngày 02/6/2020 và Thái Đình Dũng là người mang cơm đến hiện trường

khai thác cho T2 vào ngày 03/6/2020. Quá trình điều tra xác định được bản thân chị G không được T2 hay đồng bọn trao đổi bất cứ nội dung gì L quan đến việc khai thác gỗ trái phép. Do đó, Cơ quan điều tra không đề cập truy cứu trách nhiệm hình sự đối với chị G. Còn đối với Thái Đình Dũng sau sự việc xảy ra đã bỏ trốn khỏi địa phương và Dũng cũng đang bị truy nã trong 01 vụ án khác nên Cơ quan điều tra chưa triệu tập làm rõ được nội dung bàn bạc, thông nhất giữa Dũng và Kiều Ngọc T2. Khi nào Cơ quan điều tra bắt được Dũng và T2 sẽ làm rõ, xử lý sau. Do đó, HĐXX xem xét chị G với vai trò là người làm chứng trong vụ án.

[5] Về nhân thân: Các bị cáo Đinh Trung T và Kiều Ngọc C đều có nhân thân tốt, không có tiền án, tiền sự, đây là lần đầu các bị cáo phạm tội.

Riêng bị cáo Nguyễn Hữu S có nhân thân xấu: Ngày 28/10/2015 bị Tòa án nhân dân thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương xử phạt 30 tháng tù về tội “Cố ý gây thương tích” tại Bản án số: 195/2015/HSST, bị cáo đã chấp hành xong hình phạt, chưa chấp hành xong phần trách nhiệm dân sự. Do đó, bị cáo chưa được xóa án tích, lần phạm tội này của bị cáo S không phải là phạm tội lần đầu.

[6] Về tình tiết tăng nặng: Bị cáo T và C không có tình tiết tăng nặng TNHS; bị cáo S có 01 tình tiết tăng nặng TNHS là tái phạm.

[7] Về tình tiết giảm nhẹ:

Bị cáo **Đinh Trung T**, quá trình điều tra và tại phiên toà đều đã T khẩn khai báo và ăn năn hối cải; bị cáo có bố và mẹ đều là người có công với cách mạng (được tặng thưởng Huân chương kháng C hạng nhì); bị cáo có nhân thân tốt, đây là lần đầu bị cáo phạm tội. Đây là những tình tiết giảm nhẹ cho bị cáo được quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 BLHS mà HĐXX áp dụng đối với bị cáo.

Bị cáo **Nguyễn Hữu S** quá trình điều tra và tại phiên toà đều đã T khẩn khai báo và ăn năn hối cải; khi nhận thức được hành vi phạm tội của mình bị cáo đã ra đầu thú. Đây là những tình tiết giảm nhẹ cho bị cáo được quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 BLHS mà HĐXX áp dụng đối với bị cáo.

Bị cáo **Kiều Ngọc C** quá trình điều tra và tại phiên toà đều đã T khẩn khai báo và ăn năn hối cải; bị cáo có hoàn cảnh gia đình hết sức khó khăn, là lao động chính trong gia đình có xác nhận của chính quyền địa phương nhưng bị cáo cũng đã tác động gia đình bồi thường khắc phục một phần thiệt hại với số tiền 5.000.000 đồng; bị cáo có nhân thân tốt, đây là lần đầu bị cáo phạm tội; khi nhận thức được hành vi phạm tội của mình bị cáo đã ra đầu thú. Đây là những tình tiết giảm nhẹ cho bị cáo được quy định tại điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 BLHS mà HĐXX áp dụng đối với bị cáo.

[8] Về trách nhiệm dân sự:

Hành vi phạm tội của các bị cáo đã gây thiệt hại về lâm sản với khối lượng 23,236 m³ gỗ tròn, tổng giá trị thiệt hại là **138.413.200 đồng**. Sau khi trừ giá trị của 28 hộp gỗ xẻ thu được khối lượng 5,381m³ là **36.712.640 đồng**, các bị cáo phải L bồi thường số tiền là **101.700.560 đồng**. Ngoài ra, các bị cáo còn phải bồi thường thiệt hại đối với rừng tự nhiên cho Nhà nước tổng số tiền là **553.652.800 đồng**.

Phân thiệt hại trên bị cáo Kiều Ngọc C đã nộp bồi thường số tiền là 5.000.000 đồng. Do các bị cáo là đồng phạm trong vụ án, có vai trò bằng nhau nên phải cùng L đới bồi thường giá trị thiệt hại trên cho Nhà nước. Do đó, mỗi bị cáo phải bồi thường cụ thể như sau:

- Bị cáo T phải bồi thường thiệt hại về lâm sản là **33.900.187 đồng** và phải bồi thường thiệt hại đối với rừng tự nhiên số tiền là **184.550.934 đồng**.

- Bị cáo S phải bồi thường thiệt hại về lâm sản là **33.900.187 đồng** và phải bồi thường thiệt hại đối với rừng tự nhiên số tiền là **184.550.933 đồng**.

- Bị cáo C phải bồi thường thiệt hại về lâm sản là **33.900.186 đồng**, được trừ vào 5.000.000 đồng bị cáo đã nộp trước đó, còn phải bồi thường cho công ty TNHH MTV LN L số tiền là **28. 900.186 đồng** và phải bồi thường thiệt hại đối với rừng tự nhiên số tiền là **184.550.933 đồng**.

Đối với số tiền 5.000.000 đồng mà bị cáo C đã tác động gia đình nộp bồi thường, cần giao trả lại cho công ty TNHH MTV LN L.

[9] Về xử lý vật chứng:

*Đối với 02 xe mô tô độ chế, không có số khung, số máy là phương tiện L quan đến việc phạm tội, không còn giá trị sử dụng, cần tịch thu tiêu hủy.

*Đối với 28 hộp gỗ xẻ, chủng loại bằng Lãng, khối lượng 5,381 m³ cần tịch thu bán sung vào Ngân sách Nhà nước.

[10] Xét quan điểm đường lối giải quyết vụ án của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Kbang, đề nghị HĐXX áp dụng điều luật, mức hình phạt đối với các bị cáo, về xử lý vật chứng và trách nhiệm dân sự là phù hợp nên được HĐXX chấp nhận.

[11] Về hình phạt bổ sung: Xét thấy các bị cáo chưa được thu lợi bất chính từ việc khai thác gỗ trái phép, không có việc làm và thu nhập ổn định nên HĐXX không áp dụng hình phạt bổ sung theo khoản 4 Điều 232 BLHS đối với các bị cáo.

[12] Về án phí: Các bị cáo Đinh Trung T, Nguyễn Hữu S và Kiều Ngọc C phải chịu án phí HSST và DSST theo quy định.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH

[1] Về Điều luật áp dụng đối với các bị cáo Đinh Trung T, Nguyễn Hữu S và Kiều Ngọc C:

- Áp dụng điểm d khoản 2 Điều 232, Điều 38, Điều 58; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52 của BLHS đối với bị cáo Nguyễn Hữu S.

- Áp dụng điểm d khoản 2 Điều 232, Điều 38, Điều 58; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của BLHS đối với bị cáo Đinh Trung T.

- Áp dụng điểm d khoản 2 Điều 232, Điều 38, Điều 58; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của BLHS đối với bị cáo Kiều Ngọc C.

[2] Về tội danh: Tuyên bố các bị cáo **Nguyễn Hữu S, Đinh Trung T và Kiều Ngọc C**, phạm tội “*Vi phạm quy định về khai thác, bảo vệ rừng và lâm sản*”.

[3] Về hình phạt:

Xử phạt bị cáo **Nguyễn Hữu S 03 (ba) N2 tù**, thời hạn tù tính từ ngày bị tạm giữ, tạm giam (ngày 07/7/2020).

Xử phạt bị cáo **Đinh Trung T 02 (hai) N2 09 (chín) tháng tù**, thời hạn tù tính từ ngày bị tạm giữ, tạm giam (ngày 20/6/2020).

Xử phạt bị cáo **Kiều Ngọc C 02 (hai) N2 tù**, thời hạn tù tính từ ngày bị tạm giữ, tạm giam (ngày 07/7/2020).

[4] Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 48 BLHS, các Điều 584, 585, 587 và 589 Bộ luật Dân sự:

*Buộc các bị cáo **Nguyễn Hữu S, Đinh Trung T và Kiều Ngọc C** phải L đới bồi thường thiệt hại về lâm sản cho công ty TNHH MTV LN L tổng số tiền là **101.700.560 đồng** (*Một trăm linh một triệu, bảy trăm nghìn, N2 trăm sáu mươi đồng*). Mỗi bị cáo phải bồi thường cụ thể như sau:

- Bị cáo **Nguyễn Hữu S** là: **33.900.187 đồng**.
- Bị cáo **Đinh Trung T** là: **33.900.187 đồng**
- Bị cáo **Kiều Ngọc C** là: **33.900.186 đồng**, được trừ đi 5.000.000 đồng đã bồi thường nên còn phải bồi thường **28.900.186 đồng**.

*Buộc các bị cáo **Nguyễn Hữu S, Đinh Trung T và Kiều Ngọc C** phải L đới bồi thường thiệt hại đối với rừng tự nhiên sung Ngân sách Nhà nước tổng số tiền là 553.652.800 đồng (*N2 trăm N2 mươi ba triệu, sáu trăm N2 mươi hai nghìn, tám trăm đồng*). Mỗi bị cáo phải bồi thường cụ thể như sau:

- Bị cáo **Nguyễn Hữu S** là: **184.550.933 đồng**.
- Bị cáo **Đinh Trung T** là: **184.550.934 đồng**.
- Bị cáo **Kiều Ngọc C** là: **184.550.933 đồng**.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự N2 2015.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự (LTHADS) thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, và 9 LTHADS; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 LTHADS.

Tuyên giao trả cho công ty TNHH MTV LN L số tiền 5.000.000 đồng (theo biên lai thu tiền số 0001717 ngày 23/02/2021 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Kbang, tỉnh Gia Lai).

[5] Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47 BLHS; khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự:

**Tuyên tịch thu tiêu hủy 02 xe mô tô độ chế, không có số khung, số máy.*

**Tuyên tịch thu bán sung vào Ngân sách Nhà nước 28 hộp gỗ xẻ, chủng loại bằng Lãng, khối lượng 5,381 m³.*

(Đặc điểm cụ thể vật chứng nói trên theo Biên bản giao nhận vật chứng ngày 26/02/2021 giữa Công an huyện Kbang và Chi cục Thi hành án dân sự huyện Kbang).

[6] Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự N2 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án:

Buộc các bị cáo **Nguyễn Hữu S, Đinh Trung T và Kiều Ngọc C**, mỗi bị cáo phải chịu **200.000** đồng án phí HSST.

Buộc bị cáo **Nguyễn Hữu S** phải chịu án **10.922.556** đồng án phí DSST.

Buộc bị cáo **Đinh Trung T** phải chịu **10.922.556** đồng án phí DSST.

Buộc bị cáo **Kiều Ngọc C** phải chịu **10.672.556** đồng án phí DSST.

[7] Về quyền, thời hạn kháng cáo: Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, các bị cáo và người có quyền lợi, nghĩa vụ L quan có mặt tại phiên tòa có quyền làm đơn kháng cáo đề nghị TAND tỉnh Gia Lai xét xử phúc thẩm, thời hạn trên đối với bị hại và những người có quyền lợi, nghĩa vụ L quan vắng mặt tại phiên tòa được tính từ ngày nhận được Bản án hoặc Bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh.
- VKSND huyện.
- Cơ quan CSĐT công an huyện.
- Hạt Kiểm lâm huyện.
- Các bị cáo.
- Bị hại.
- Người CQL,NVLQ.
- Chi cục THADS huyện.
- (Khi án có HLPL).
- Lưu HSVA,VPTA.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thị Hồng Phương

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN

TP. CHỦ TỌA PHIÊN TÒA